

Số: 114 /2021 /QĐST- HNGĐ

*Triệu S, ngày 20 tháng 5 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 151/2021/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1991.

HKTT: Xóm 3, xã Tiến N, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Tiên T, xã Tiên T, huyện Q, tỉnh Thanh H.

Bị đơn: Anh Lê Hữu N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm 3, xã Tiến N, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1991.

Bị đơn: Anh Lê Hữu N, sinh năm 1989

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lê Hữu N.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung, tên cháu là Lê Hồng N1, sinh ngày 14/6/2015, hiện nay cháu đang ở cùng chị T. Ly hôn, anh, chị thỏa thuận giao cháu N1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ ( một triệu, năm trăm nghìn đồng) / tháng kể từ tháng 04/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Trường hợp quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- *Về tài sản và phân nợ*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, chị T nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) chị T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001349 ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận***

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu S
- UBND xã Tiến N,
- Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thủy**

